

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **40** /2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **04** tháng **5** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 207/TTr-SNV ngày 23 tháng 3 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **15** tháng **5** năm 2026.

Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng



trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC(Đ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số **40** /2026/QĐ-UBND ngày **04** tháng **5** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15; điểm b, c, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam tham gia phong trào thi đua của tỉnh đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chương II ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 3. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét hàng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này, đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt tiêu chuẩn sau:

a) Công nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên trong năm, chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất, bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động;

b) Nông dân, người lao động chấp hành tốt quy định của địa phương nơi cư trú; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đạt hiệu quả cao về kinh tế.

Điều 4. Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho đối tượng là tập thể thuộc cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức, gồm:

a) Các ban đảng; các sở, ban, ngành, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; các Hội cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; các xã, phường, đặc khu trong tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp;

b) Các ban, chi cục, trung tâm và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

c) Hợp tác xã, Quỹ tín dụng, trường học, bệnh viện.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hàng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức, đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc được cơ quan có thẩm quyền đánh giá hoàn thành vượt các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể có nhiều thành tích nổi bật; đơn vị dẫn đầu được cụm thi đua, khối thi đua suy tôn, đạt tỷ lệ phiếu đồng ý từ 70% trở lên trên tổng số thành viên của cụm, khối thi đua;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong tỉnh học tập;

c) Tổ chức đảng, đoàn thể xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

Điều 5. Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng đối với sở, ban, ngành, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; các Hội cấp tỉnh được Nhà nước giao nhiệm vụ; phòng, ban, chi cục, trung tâm và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;



b) Đối với cấp xã: Xét tặng đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; phòng, ban và tương đương thuộc cấp xã;

c) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Xét tặng đối với các doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc như: phòng, xí nghiệp, phân xưởng;

d) Đối với ngành Y tế: Xét tặng các khoa, phòng và tương đương thuộc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở;

đ) Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: Xét tặng các trường học, trung tâm thuộc các khối thi đua do tỉnh tổ chức;

e) Đối với các ban, chi cục, trung tâm thuộc sở và tương đương: Xét tặng các phòng thuộc ban, chi cục, trung tâm và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” để xét tặng hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng đối với sở, ban, ngành, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; các Hội cấp tỉnh được Nhà nước giao nhiệm vụ; phòng, ban, chi cục, trung tâm và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Đối với cấp xã: Xét tặng đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; phòng, ban và tương đương thuộc cấp xã;

c) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Xét tặng đối với các doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc như: phòng, xí nghiệp, phân xưởng;

d) Đối với ngành Y tế: Xét tặng các khoa, phòng và tương đương thuộc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở;

đ) Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: Xét tặng các trường học, trung tâm thuộc các khối thi đua do tỉnh tổ chức;

e) Đối với các ban, chi cục, trung tâm thuộc sở và tương đương: Xét tặng các phòng thuộc ban, chi cục, trung tâm và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” để tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương III TIÊU CHUẨN HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 7. Tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

✓

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Lập được nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương, có phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh;

- Có thành tích mưu trí dũng cảm cứu người, cứu tài sản, đấu tranh phòng, chống tội phạm, gương người tốt, việc tốt; đoạt giải Nhất, Nhì, Ba (hoặc tương đương) trong các cuộc thi cấp quốc gia (do Trung ương tổ chức), khu vực, quốc tế; đoạt giải nhất cấp tỉnh các bộ môn văn hóa và giải nhất Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh;

- Có các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng lớn trong tỉnh;

d) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở;

đ) Công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Lập được nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương, có phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh;

- Đoạt giải Nhất, Nhì, Ba và tương đương trong các cuộc thi cấp quốc gia (do Trung ương tổ chức), khu vực, quốc tế và đoạt giải Nhất cấp tỉnh;

- Thành tích đột xuất hoặc thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 152/2025/NĐ-CP;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh;

- Có các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng lớn trong tỉnh;

d) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho hộ gia đình đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có nhiều đóng góp về công sức, tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên được cơ quan, đơn vị, địa phương xác nhận và cấp có thẩm quyền xét, đề nghị khen thưởng;

b) gương mẫu, tự nguyện đi đầu trong việc hiến đất, hiến tài sản phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm của quốc gia, của tỉnh được cấp có thẩm quyền xét, đề nghị khen thưởng;

c) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua chuyên đề do tỉnh phát động.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, có thành tích xuất sắc trong công tác nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Doanh nghiệp đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc tăng so với năm trước;

b) Doanh nghiệp không vi phạm quy định của pháp luật hiện hành;

c) Doanh nghiệp nộp thuế đạt và vượt mức dự toán được giao, có số nộp năm sau cao hơn năm trước;

d) Thực hiện kê khai, nộp thuế điện tử, không nợ đọng thuế, thực hiện tốt chế độ quản lý và sử dụng hóa đơn, chứng từ, chế độ kế toán và không vi phạm các quy định về thuế.

Điều 8. Tiêu chuẩn Giấy khen

1. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của thủ trưởng các ban đảng; giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

- b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
- c) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Giấy khen theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua chuyên đề, đạt chất lượng, hiệu quả cao, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Lập nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- c) Lập được thành tích đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc ở một trong các lĩnh vực được cơ quan, đơn vị, địa phương ghi nhận;
- d) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Giấy khen theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng để tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích trong thực hiện phong trào thi đua chuyên đề, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Lập nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương, cơ quan, đơn vị, có phạm vi ảnh hưởng lớn đối với cơ quan, đơn vị, địa phương;
- c) Lập được thành tích đột xuất khi cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc ở một trong các lĩnh vực được cơ quan, đơn vị, địa phương ghi nhận;
- d) Có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- đ) Có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng lớn đối với cơ quan, đơn vị, địa phương;

e) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

4. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho hộ gia đình đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc trong số các hộ gia đình được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu công nhận “Gia đình văn hoá”;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước. Các thành viên trong gia đình có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

c) Có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có tổng trị giá từ 100 triệu đồng trở lên/năm cho xã, phường, đặc khu hoặc các đơn vị trên địa bàn thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội;

d) Gương mẫu, đi đầu trong việc hiến đất, hiến tài sản phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm của quốc gia, của tỉnh được cấp có thẩm quyền xét, đề nghị khen thưởng;

đ) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do địa phương phát động;

e) Có thành tích đột xuất.

5. Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của cơ quan, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do doanh nghiệp, Hợp tác xã phát động hoặc tổ chức triển khai thực hiện phong trào thi đua do các cấp, các ngành phát động;

b) Công nhân, nông dân, người lao động có nhiều đóng góp trong lao động, sản xuất, có thành tích trong năm được Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã đánh giá, ghi nhận;

c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp, Hợp tác xã.

6. Giấy khen được tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đơn vị.

Chương IV **THỦ TỤC, HỒ SƠ KHEN THƯỞNG**

Điều 9. Thủ tục xét khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng, thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét, quyết định khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình (trừ danh hiệu vinh dự

Nhà nước Bà mẹ Việt nam Anh hùng và khen thưởng Huân chương kháng chiến, Huy chương kháng chiến).

Đối với các trường hợp thuộc khoản 2 Điều 33 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, sau khi thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về lấy ý kiến đề khen thưởng cho các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 34 Nghị định 152/2025/NĐ-CP. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các trường hợp các ngành, địa phương, doanh nghiệp đề nghị cho ý kiến đề trình các bộ, ngành, đoàn thể trung ương khen thưởng.

Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) xem xét, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo kết quả thẩm định hồ sơ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trình khen thưởng.

2. Khen thưởng theo kế hoạch hàng năm, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 31 tháng 3 hàng năm.

3. Đối với Hệ thống giáo dục quốc dân có thời điểm đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân theo năm học, hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

4. Thời gian thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

a) Thời gian thẩm định đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tại Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng):

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất).

b) Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã và các phòng, ban, trung tâm thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã và các phòng, ban, trung tâm thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất).

Điều 10. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thành phần hồ sơ:



a) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng, gồm:

- Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;
- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;
- Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh khen thưởng;
- Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; Chứng nhận hoặc xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh trong trường hợp đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi cấp tỉnh;

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tặng Giấy khen của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng;
- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng;
- Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh khen thưởng;
- Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng;

c) Đối với các doanh nghiệp khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan xác nhận về việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động, việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm;

d) Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Số lượng hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh: 01 bộ bản chính. Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ điện tử (file pdf) kèm theo file word của hồ sơ (trừ

hồ sơ mật) đến Sở Nội vụ qua phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Trị theo quy định.

Chương V

THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA TỈNH VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH; VIỆC CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ

Điều 11. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Thời hạn tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 12. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thủ trưởng các

cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh; cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan, đơn vị, địa phương đã trình khen và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đã nhận đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo quy định; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 13. Quy định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương

Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Chương VI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 14. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

3. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hội đồng có không quá 04 Phó Chủ tịch. Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực;

Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh quyết định cơ cấu, thành phần, số lượng thành viên hội đồng; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng;

c) Thư ký của Hội đồng: Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, tổ chức các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

↓

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu, tư vấn giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

5. Hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số. Hội đồng họp định kỳ mỗi quý một lần để đánh giá kết quả chỉ đạo triển khai phong trào thi đua, công tác khen thưởng và hoạt động của Hội đồng, cho ý kiến giải quyết các công việc cần thiết, đột xuất;

b) Các phiên họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh được tiến hành họp khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham gia dự họp; khi cần thiết Hội đồng mời thêm một số ngành liên quan để cùng tham gia dự họp;

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sử dụng con dấu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

d) Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 15. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; cấp xã; các tổ chức kinh tế

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; cấp xã; các tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật Thi đua, khen thưởng và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động theo quy định.

2. Thẩm quyền thành lập: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức kinh tế quyết định thành lập Hội đồng thi đua - khen thưởng; quyết định thành phần, số lượng thành viên Hội đồng.

3. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu các cơ quan; đơn vị, địa phương, tổ chức kinh tế;

b) Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch

Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định cơ cấu, thành phần, số lượng thành viên hội đồng.

4. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức kinh tế phát động, tổ chức các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng

năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức kinh tế kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu, tư vấn giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức kinh tế quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

5. Văn phòng (phòng Hành chính) hoặc các phòng làm công tác tổ chức, cán bộ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; phòng Văn hóa - Xã hội cấp xã, là thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

6. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ, khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền của các đơn vị, địa phương.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện Quy định này.

2. Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn cụ thể các cơ quan, đơn vị, địa phương việc triển khai thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm kinh phí để tổ chức thực hiện Quy định này theo quy định hiện hành.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về thủ tục, hồ sơ trình khen thưởng, gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

5. Các nội dung khác về thi đua, khen thưởng không được quy định trong Quy định này thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

7. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời theo quy định của pháp luật./.

